

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/5/2024		●	
Tuần 6/5-10/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trước ngưỡng kháng cự 1,250 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,250.46, tăng gần 2 điểm so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng hôm nay. Ở chiều ngược lại, ngành Du lịch và giải trí quay đầu giảm mạnh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này trở lại bán ròng hơn 1 nghìn tỷ trên sàn HSX. Dòng tiền bắt đáy khá tốt ở ngưỡng 1,235, ủng hộ đà hồi phục của chỉ số; tuy nhiên, áp lực chốt lời có thể xảy ra tại ngưỡng 1,250 trong những phiên tới, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30F2409 và VN30F2405 tăng, VN30F2406 và VN30F24012 giảm

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+1.83** điểm, đóng cửa tại **1250.46** điểm. HNX-Index **+1.56** điểm, đóng cửa tại **234.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.79)**, **GAS (+0.63)**, **PLX (+0.42)**, **MSN (+0.39)**, **SAB (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.48)**, **NVL (-0.44)**, **HVN (-0.39)**, **BID (-0.28)**, **CTG (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,192** tỷ đồng, tăng **27.59%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,261 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.86 điểm. Thị trường có **204** mã tăng, 68 mã tham chiếu, **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1285.78** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-921.37 tỷ)**, **TCB (-219.31 tỷ)**, **PVD (-72.07 tỷ)**, **VRE (-50.85 tỷ)**, **CTG (-45.11 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **70.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.42%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVS (+4.90%)**, **PVD (+3.44%)**, **DCM (+2.55%)**.
- BSC50 **+0.50%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVT (+6.84%)**, **CSV (+4.14%)**, **QTP (+3.68%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.42%	0.50%	0.15%	0.00%
1 tuần	3.85%	4.39%	3.23%	3.57%
1 tháng	4.02%	4.02%	2.95%	3.89%
3 tháng	-0.28%	-5.44%	-1.98%	-1.54%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,250.46	234.52	91.57
% 1D	0.15%	0.67%	0.52%
GTGD (tỷ VND)	19,192	2,263	863
%1D	27.59%	83.73%	14.07%
GDNN (tỷ VND)	-1285.78	70.02	-13.85

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	82.02	VHM	-921.37
MWG	68.00	TCB	-219.31
TCH	55.20	PVD	-72.07
MSN	45.68	VRE	-50.85
DCM	36.53	CTG	-45.11

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,188	0.13%	3.02%
FTSE100	8,343	0.35%	2.44%
Eurostoxx	5,038	0.54%	2.00%
Shanghai	3,128	-0.61%	3.52%
Nikkei	38,200	-1.54%	0.70%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	83.11	-0.50%
Giá vàng	2,324	0.36%

Tỷ giá

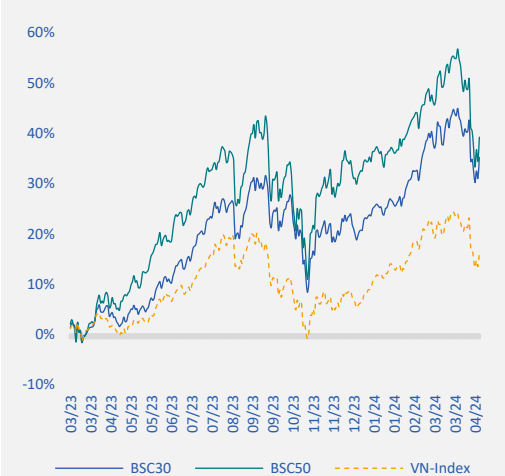
USD/VND	25,461	0.02%
EUR/VND	28,064	-0.14%
JPY/VND	168	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



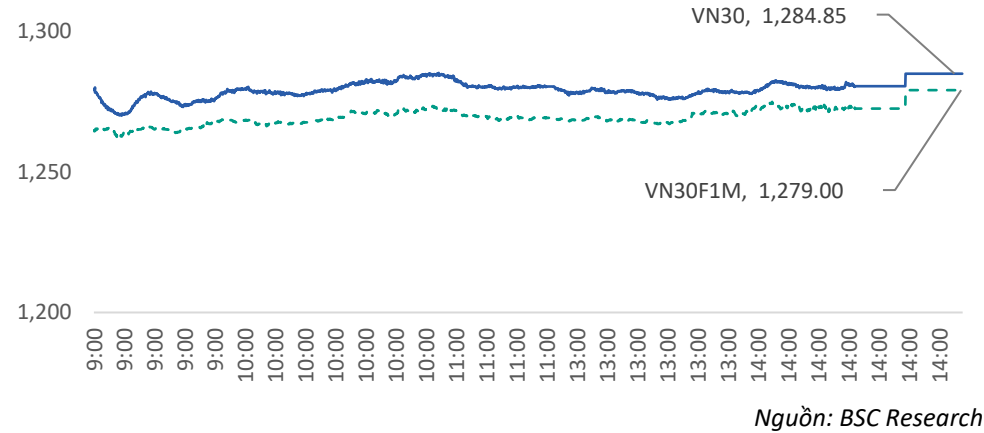
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1279	0.08%	143	32.41%	9/19/2024	134
VN30F2412	1279.8	-0.01%	28	1300.0%	12/19/2024	225
VN30F2405	1279	0.24%	262214	27.67%	5/16/2024	8
VN30F2406	1277	-0.01%	1431	50.16%	6/20/2024	43

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 0.00 điểm, đóng cửa tại 1284.85 điểm. Biên độ dao động 15.15 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MSN, SHB, TCB, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên tại mốc tham chiếu với sắc đỏ bao trùm toàn bộ thời gian giao dịch của chỉ số trong ngày hôm nay. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- FALSE Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2406,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2311	8/5/2024	89	82,700	49.39%	60.50	120	33.3%	0.00	61.10	40.90	40.90
CVRE2315	10/9/2024	154	164,800	36.90%	30.00	220	4.8%	0.07	31.76	23.20	23.20
CVHM2302	5/24/2024	16	2,200,600	23.23%	50.00	100	0.0%	0.00	50.40	40.90	40.90
CPOW2309	5/17/2024	9	2,000	30.22%	14.50	10	0.0%	0.00	14.52	11.15	11.15
CVHM2307	6/26/2024	49	78,400	54.00%	62.67	40	0.0%	0.00	62.99	40.90	40.90
CVRE2318	7/5/2024	58	3,800	36.03%	31.00	140	0.0%	0.01	31.56	23.20	23.20
CVNM2314	10/7/2024	152	492,300	30.94%	85.15	480	-2.0%	0.06	88.91	67.90	67.90
CVIC2313	10/7/2024	152	897,800	26.56%	53.46	400	-2.4%	0.13	57.46	45.40	45.40
CVHM2313	10/9/2024	154	134,300	29.83%	50.00	310	-3.1%	0.10	53.10	40.90	40.90
CVRE2313	8/5/2024	89	27,300	30.60%	29.50	200	-4.8%	0.06	30.30	23.20	23.20
CVPB2319	1/6/2025	243	85,400	41.01%	23.95	1,160	-4.9%	0.37	26.16	18.55	18.55
CVIC2306	6/26/2024	49	5,900	40.05%	62.22	170	-5.6%	0.00	63.58	45.40	45.40
CVHM2317	10/7/2024	152	831,400	34.44%	52.35	330	-5.7%	0.08	54.99	40.90	40.90
CVHM2316	7/5/2024	58	114,300	27.22%	51.23	100	-9.1%	0.01	52.03	40.90	40.90
CVHM2318	1/6/2025	243	1,800	41.21%	53.46	860	-9.5%	0.23	57.76	40.90	40.90
CVIC2312	7/5/2024	58	22,000	18.16%	52.35	130	-13.3%	0.04	53.65	45.40	45.40
CVNM2310	8/9/2024	93	48,000	18.78%	78.40	230	-14.8%	0.06	80.65	67.90	67.90
CVPB2317	7/5/2024	58	1,000	25.58%	22.88	110	-15.4%	0.02	23.29	18.55	18.55
CNVL2305	6/26/2024	49	274,300	40.88%	17.00	540	-31.6%	0.01	19.16	13.60	13.60
CSTB2318	5/17/2024	9	62,800	14.63%	32.00	10	-50.0%	0.00	32.04	27.95	27.95

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2311 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.33%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.56%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CPOW2306, và CVHM2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CMWG2305, CFPT2310, và CTCB2312 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	30.70	1.82%	1.69
MSN	72.30	1.54%	0.75
SHB	11.90	2.15%	0.75
TCB	48.20	0.63%	0.65
VIC	45.40	0.89%	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	18.55	-1.33%	-1.11
STB	27.95	-1.24%	-0.61
MBB	22.55	-0.88%	-0.54
HDB	24.10	-0.82%	-0.41
VJC	117.40	-1.01%	-0.33

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	30.15	1.82%	0.79	34.77
GAS	76.30	1.44%	0.63	1.38
PLX	38.70	3.36%	0.42	2.98
MSN	71.20	1.54%	0.39	6.12
SAB	57.70	2.08%	0.38	2.32

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	40.80	5.39%	4.34	15.89
MBS	27.80	2.52%	1.23	5.75
VIF	16.30	3.07%	0.71	0.01
SHS	18.80	1.06%	0.64	24.63
THD	35.60	0.84%	0.46	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STK	29.40	6.97%	0.05	0.26
MSH	46.00	6.96%	0.06	0.72
ST8	9.09	6.93%	0.00	2.10
CMG	48.45	6.91%	0.17	1.16
DPG	44.90	6.90%	0.05	2.25

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVB	25.50	9.80%	0.23	1.63
NHC	27.90	9.68%	0.04	0.00
VE3	7.40	9.46%	0.00	0.00
ONE	6.40	9.38%	0.02	0.25
HVT	59.00	9.32%	0.26	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	18.80	-1.33%	-0.48	11.00
NVL	14.60	-6.85%	-0.44	71.92
HVN	20.45	-3.67%	-0.39	6.85
BID	50.00	-0.40%	-0.28	1.06
CTG	32.80	-0.61%	-0.26	8.60

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	62.00	-0.81%	-0.64	3.57
SEB	51.00	-4.90%	-0.30	0.01
PVI	50.00	-0.60%	-0.27	0.01
DTK	11.50	-0.87%	-0.26	0.00
IPA	14.40	-2.08%	-0.25	0.19

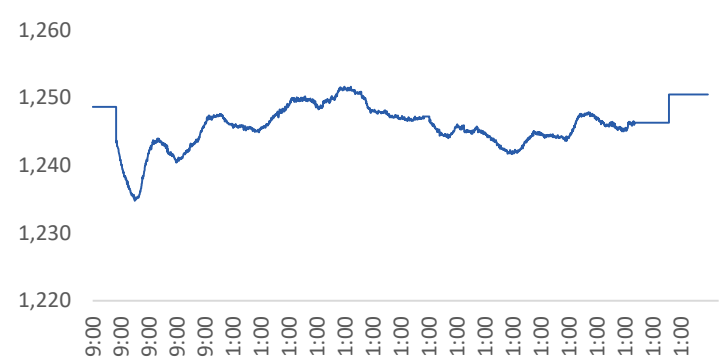
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAS	10.30	-6.99%	0.00	0.00
NVL	14.60	-6.85%	-0.44	71.92
TCR	3.67	-6.54%	0.00	0.00
SVD	2.70	-5.93%	0.00	0.14
TDP	33.10	-3.93%	-0.02	0.06

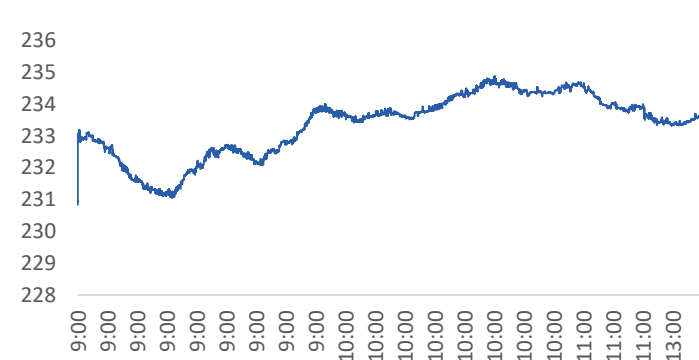
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTD	12.10	-9.92%	-0.01	0.00
NBW	29.30	-9.22%	-0.10	0.00
KSQ	3.50	-8.57%	-0.03	0.41
X20	10.90	-8.26%	-0.06	0.00
SFN	23.20	-8.19%	-0.02	0.00

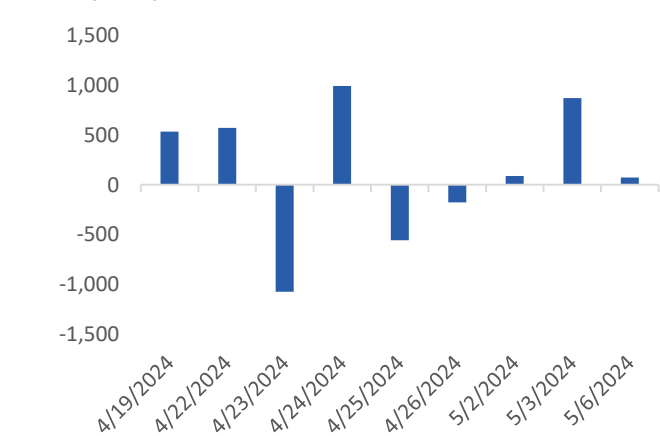
Hình 1
HSX-Index Intraday



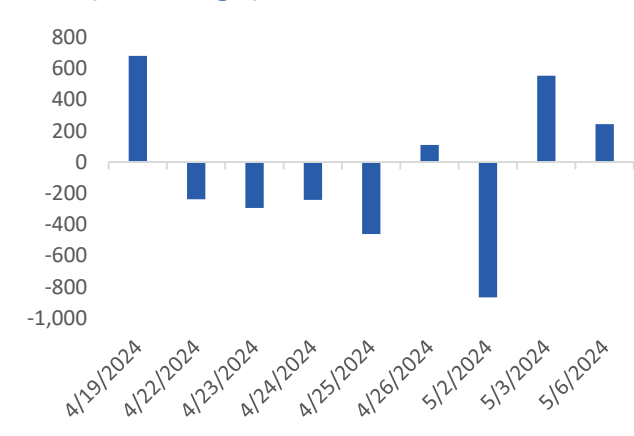
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.9	-0.10%	0.6	20,442	4.2	5,838	15.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	50.0	-1.00%	1.1	11,221	2.1	3,841	13.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.30%	1.0	5,872	5.5	1,397	13.5	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	47.9	-0.90%	1.1	6,643	17.1	5,600	8.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.8	-0.70%	1.0	4,736	8.6	3,818	6.0	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	0.70%	1.0	2,100	9.5	4,206	6.7	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.8	-1.20%	1.2	6,934	6.4	3,751	8.7	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.6	0.20%	0.8	4,228	4.7	4,072	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.6	-0.30%	1.3	2,112	11.6	1,704	20.9	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	62.0	10.30%	1.2	806	5.1	4,223	14.7	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	30.2	2.90%	1.2	6,902	35.8	1,601	18.8	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	20.5	0.50%	1.6	497	4.8	1,423	14.4	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	41.0	-0.20%	1.1	7,037	6.9	5,074	8.1	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	36.1	1.10%	1.4	1,136	4.3	726	49.8	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	41.2	1.50%	1.4	624	3.6	1,040	39.6	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	122.5	0.00%	1.5	1,832	13.1	7,845	15.6	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	33.3	1.50%	1.3	694	6.4	2,313	14.4	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	76.3	2.00%	0.6	6,899	4.5	4,688	16.3	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	40.8	2.80%	0.9	768	5.7	1,992	20.5	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	30.6	-0.20%	1.2	669	3.4	1,200	25.5	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.1	0.00%	0.7	1,023	1.4	350	31.8	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.4	1.20%	1.2	675	2.9	4,914	15.5	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	84.7	0.60%	0.9	1,035	9.0	8,430	10.0	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	68.0	3.30%	0.6	5,595	22.7	4,408	15.4	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	71.2	0.10%	1.3	4,220	9.1	215	330.6	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	59.3	1.70%	1.5	3,414	22.1	717	82.7	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.0	2.20%	0.9	1,291	10.0	5,860	16.7	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.1	0.20%	1.9	402	3.1	2,200	27.8	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	131.3	2.90%	0.9	6,565	16.1	5,335	24.6	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	128.9	-1.50%	1.1	580	2.9	4,582	28.1	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.3	0.00%	0.9	2,786	6.7	3,809	6.4	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.7	0.00%	1.2	2,167	2.2	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	-0.30%	1.2	1,538	1.8	2,050	8.7	1.1	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.2	1.10%	1.2	1,114	3.5	2,310	6.1	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.8	-1.10%	1.1	1,217	5.7	1,147	15.5	1.3	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.8	0.70%	1.6	772	5.4	1,175	23.7	2.3	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.0	-1.00%	1.7	827	8.2	1,409	34.1	2.6	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.0	-0.70%	1.6	1,004	6.1	2,057	10.2	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	50.0	-1.00%	1.1	11,221	2.1	3,841	13.0	2.3	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.8	2.70%	1.8	602	9.9	1,076	17.5	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.8	-0.40%	1.6	88	1.1	655	18.0	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.1	1.20%	1.5	601	1.4	53	323.4	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	68.7	2.20%	1.2	270	3.9	2,709	25.4	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.1	-0.80%	1.5	212	1.8	833	15.7	0.5	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	10.0	1.00%	1.5	-	0.2	433	23.1	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	27.8	-0.90%	1.9	669	15.3	(38)	-725.5	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.5	2.20%	1.3	375	3.5	293	63.2	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.2	-0.20%	1.6	913	4.6	1,262	23.9	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	53.4	1.50%	1.4	943	1.1	2,746	19.4	2.5	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	42.1	1.10%	1.2	298	2.2	1,514	27.8	2.6	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	87.6	-0.10%	1.3	627	0.6	5,701	15.4	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	59.3	1.20%	1.1	316	0.7	3,448	17.2	2.1	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	31.4	0.80%	1.6	4,953	4.8	628	50.1	2.2	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	23.6	0.60%	1.7	244	5.7	1,222	19.3	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	117.0	0.90%	1.0	377	1.2	11,594	10.1	3.3	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.0	0.00%	1.5	208	0.5	865	16.1	1.2	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	17.0	-0.60%	1.9	482	3.6	420	40.5	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	23.4	0.00%	1.3	2,089	6.2	1,940	12.0	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	27.6	-1.10%	1.9	803	8.8	964	28.6	2.1	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	60.4	1.50%	1.6	105	1.8	4,370	13.8	1.8	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.0	-0.10%	1.0	123	0.6	3,461	11.3	1.6	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	38.7	5.40%	0.9	1,936	5.6	2,570	15.1	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.8	2.50%	1.5	92	0.1	1,261	22.8	1.8	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.9	0.50%	1.1	-	4.5	2,790	6.8	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	32.0	1.70%	0.7	150	1.4	2,286	14.0	2.0	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.8	0.60%	1.3	328	2.2	450	59.5	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.9	-0.40%	1.3	324	0.9	2,061	13.1	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	21.9	2.80%	1.9	734	16.1	625	35.1	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.3	0.00%	0.6	-	0.3	1,549	10.5	1.4	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	65.0	-0.50%	0.9	1,046	3.6	4,706	13.8	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	30.2	-0.30%	1.3	158	1.1	(252)	-119.6	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	70.3	1.90%	0.8	185	1.5	4,765	14.8	1.7	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	26.3	0.80%	0.8	369	2.9	3,150	8.3	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	21.2	2.40%	1.4	223	2.6	927	22.9	0.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	42.4	-0.20%	1.4	176	3.2	3,081	13.8	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	80.1	0.30%	1.3	384	4.1	3,119	25.7	6.2	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	29.5	2.30%	1.7	281	12.5	1,729	17.1	1.5	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	164.0	1.10%	0.8	880	5.4	(2,548)	-64.4	10.9	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.6	1.80%	0.7	-	4.4	6,737	7.4	2.0	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	33.6	0.90%	1.2	517	2.5	1,372	24.5	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	21.8	8.50%	1.1	97	2.6	1,981	11.0	1.3	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639